

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 52/2021/HSST

Ngày: 22/4/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm N dân:

1/ Ông Lê Hưng Quang – Giáo viên hưu trí

2/ Bà Trần Thị Hà – Cán bộ hưu trí

-**Thư ký ghi biên bản phiên** tòa: ông Văn Hồng Lễ, cán bộ Tòa án N dân huyện Tuy Phong

-**Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên** tòa: ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS, ngày 15/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án N dân huyện Tuy Phong, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Văn R**, Giới tính: Nam; sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm biển; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Huỳnh Văn K, sinh năm 1970 và mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1967, hiện ở khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1990; Vợ, con: chưa có

Quá trình hoạt động N thân: Tại bản án số 108/2020/HSST ngày 28.10.2020 của Tòa án N dân huyện P xử phạt Huỳnh Văn R 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Ngày 18.6.2020 bị Chủ tịch ủy ban N dân thị trấn P Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng bằng hình thức cai nghiện, điều trị nghiện ma túy.

Bị cáo đang chấp hành án tại bản án khác ở Trại giam Huy Khiêm; Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Văn H**, Giới tính: Nam; sinh năm: 1997, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: không; Tiền án, tiền sự: không; Cha: Trần Đ, sinh năm 1938 (đã chết) và mẹ: Lê Thị C, sinh năm 1953 hiện ở khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm

1989; Vợ, con: chưa có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

3. Người bị hại: Trương N, sinh năm 1968; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn P, huyện P, Bình Thuận, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 12.9.2020, Huỳnh Văn R gặp Lê Văn H khu phố 1, thị trấn P, huyện P, R rủ H đi đến khu vực khu phố T, thị trấn P tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền chia nhau, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô hiệu 67 (xe của R mượn của Nguyễn Thanh T) chở R đi đến khu vực kè biển thuộc khu phố T, thị trấn P, huyện P tìm tài sản để trộm cắp nhưng chưa nhìn thấy tài sản gì để trộm cắp. H và R dừng lại ngồi hút thuốc tại khu vực bờ kè thuộc khu phố T, thị trấn P, huyện P để nghỉ rồi tiếp tục đi tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12.9.2020 R nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius biển số 86L2-8577 của Trương N đang để trên khu vực kè biển cách vị trí R và H ngồi 30m, không có người trông coi nên R đi đến vị trí để xe mô của N. R dắt xe mô tô của N đi bộ được 35m thì bị Trương Anh Trí (cảnh sát khu vực- Công an thị trấn P) phát hiện nên R đã vứt bỏ lại xe mô tô và chạy trốn. H quay lại không nhìn thấy R nên điều khiển xe mô tô chạy đi tìm R, H đi đến khu vực quán Gành Đá cách vị trí R trộm cắp xe mô tô của N khoảng 395m thì gặp R và R đã kể cho H nghe toàn bộ sự việc R trộm cắp xe mô tô. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở R đi về lại nhà. Sau khi sự việc xảy ra, Trương N đã trình báo toàn bộ sự việc cho Công an thị trấn P và giao nộp 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius biển số 86L2-8577.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 136/KL-HĐĐG ngày 02.12.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận xe mô tô của Trương N trị giá:

+ 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Yamaha Sirius, màu trắng nâu, biển số 86L2-8577, số khung: C640AY219427, số máy: 56C64-219412, giá trị sử dụng còn lại khoảng 40%, trị giá: 18.300.000 đồng/chiếc x 40% = 7.320.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện P: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 31/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/3/2021 của Viện kiểm sát N dân huyện P.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn R và Lê Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn R mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 108/2020/HSST ngày 28/10/2020, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt từ 30 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Về tang vật chứng của vụ án: sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius biển số 86L2 -8577 cho người bị hại Trương N theo quy định pháp luật.

Riêng đối với xe mô tô hiệu 67 bị cáo R và H sử dụng vào việc phạm tội, đây là tài sản bị cáo R mượn của Nguyễn Thanh T, do Tuấn không biết R mượn xe sử dụng vào việc phạm tội nên không xem xét, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trương N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện P.

Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát N dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn R và Lê Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 31/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/3/2021 của Viện kiểm sát N dân huyện P đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp

với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12.9.2020 tại khu phố T, thị trấn P, huyện P. Do bị cáo Huỳnh Văn R và bị cáo Lê Văn H đã lén lút, bí mật lấy cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius biển số 86L2-8577 có trị giá 7.320.000 đồng của Trương N để bán lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện thu giữ.

Vì vậy, Cáo trạng số 31/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 12/3/2021 của Viện kiểm sát N dân huyện P truy tố các bị cáo Huỳnh Văn R và Lê Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây nghi kỵ không tốt trong nội bộ quần chúng N dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, hiện trong địa bàn huyện đã xảy ra nhiều vụ trộm cắp và có tính chất ngày càng phức tạp nên cũng cần xử lý các bị cáo nghiêm minh,

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Riêng bị cáo Lê Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có đơn xin bãi nại của bị hại đây những là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính N đạo của pháp luật.

Vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Huỳnh Văn R và Lê Văn H cùng thống nhất ý chí đi trộm cắp tài sản của người khác, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ hành vi và hậu quả gây ra. Tuy nhiên bị cáo R là người rủ rê và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải xử lý bị cáo nghiêm khắc hơn bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức.

Đối với bị cáo R có N thân không tốt, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, gây ra nhiều vụ trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt, chứng tỏ bị cáo đã xem thường pháp luật. Xét N thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, thông qua đó để phòng ngừa chung cho toàn xã hội, đồng thời răn đe cho những ai có ý đồ phạm tội tương tự.

Còn bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ Luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo có nơi cư trú và N thân rõ ràng nên đủ điều kiện áp dụng

Điều 65 Bộ luật hình sự, vì vậy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo bên ngoài dưới sự giám sát của địa phương cũng đủ cho bị cáo suy ngẫm những sai trái, lỗi lầm của mình.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

Về tang vật chứng của vụ án: Đã xử lý nên không xem xét.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại Trương N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo **Huỳnh Văn R** và bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn R** **15** (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 108/2020/HSST ngày 28/10/2020. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt **33** (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án (ngày 22/12/2020).

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12** (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo Lê Văn H cho UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Huỳnh Văn R và Lê Văn H mỗi người phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Lê Văn H)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Hồ sơ.

Lý Văn Lầy